

Bản án số: 368/2017/HSPT
Ngày 04-12-2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dân
2. Ông Nguyễn Tấn Đức.

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 04/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 348/2017/HSPT ngày 24/10/2017, đối với bị cáo Hà Văn D về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 01/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **HÀ VĂN D.** Sinh ngày: 12/02/1999; tại tỉnh T2 Bình; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không (đang đi học); trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Hà Văn T sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị O sinh năm 1958. Hiện đang sinh sống tại Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại. (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan:

-Người bị hại: Anh Nguyễn Huy T2, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hà Văn T, sinh năm: 1954. (Có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1958. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- *Người làm chứng:*

1/Anh Vũ Văn T3, sinh năm: 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Anh Nguyễn Phú Đ, sinh năm: 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Chị Hà Thị D1, sinh năm: 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/11/2016, tại đám cưới nhà ông Đinh Văn Đ1 ở Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giữa Hà Văn D, Trần Văn L và Lê Xuân H xảy ra xô xát với Lưu Tuấn V và Nguyễn Huy T2. Được mọi người can ngăn, D, H, L bỏ chạy được một đoạn thì D gặp Nguyễn Phú Đ chở D về nhà. Đang đi xe bị hỏng, Đ và D dắt xe đi về đến gần cổng nhà D thì gặp T2 và Vũ Văn T3 (bạn T2). T2 và D xảy ra xô xát đánh nhau, Đ can ngăn, D chạy vào nhà gọi bố, mẹ. T2 đi vào sân nhà D nói chuyện với bố, mẹ D. T2 nói: Hôm nay phải đánh cho nó một trận. T2 đi đến nắm cổ áo kéo D đang đứng trên hiên nhà xuống sân và dùng tay đánh nhiều cái. D quay lưng bỏ chạy thì bị trượt chân ngã xuống sân gần nơi để dụng cụ lao động. D với tay cầm được 01 cái cuốc, cán và lưỡi bằng kim loại dài 1,1m, đứng dậy hai tay cầm cán cuốc bổ 01 nhát vào đầu T2, làm T2 ngã xuống sân, đầu chảy nhiều máu được mọi người chở đi cấp cứu. D cầm cuốc chạy ra sau vườn cà phê. Ngày 08/11/2016, D đến cơ quan điều tra Công An huyện Krông Pắc đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 97/PY-TgT ngày 28/12/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyễn Huy T2 bị vết thương sọ não hở, khuyết sọ rộng, liệt tay phải, thương tích 55%, vật tác động sắc bén.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Huy T2 yêu cầu bồi thường chi phí điều trị, ngày công lao động, tổn thất tinh thần, bồi dưỡng sức khỏe và các khoản chi phí hợp lý khác số tiền là 239.034.579 đồng. Hà Văn D đã bồi thường số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho anh T2.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 01/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 của Quốc hội khoá 14, khoản 3 Điều 7 và khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584; Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Văn D, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị O có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Huy T2 các khoản tiền thuốc, tiền viện phí, tiền công không lao động được và các khoản tiền chi phí hợp lý tổng cộng các khoản là: 229.767.950 đ (*Hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng*). Khấu trừ vào số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) đã bồi thường. Bị cáo Hà Văn D, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị O còn phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Huy T2 số tiền còn lại là 199.767.950đ (*Một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2017, bị cáo Hà Văn D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hành vi của bị cáo với tội danh “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng T2 tinh thần bị kích động mạnh” được quy định tại Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999 và phân trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX xem xét lại một số khoản trong đơn thuốc vì không hợp lý.

Ngày 14/9/2017, người bị hại anh Nguyễn Huy T2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo Hà Văn D với tội danh “Giết người” và xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên toà sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Người bị hại anh Nguyễn Huy T2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hà Văn D về tội “Cố ý gây thương tích”, là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất mức độ hành vi hậu quả do bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại 20.000.000 đồng. Xét mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm

khắc. Bởi lẽ, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra nên đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, lỗi một phần do người bị hại. Nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hà Văn D, sửa mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Hà Văn D. Xử phạt bị cáo Hà Văn D 03 năm tù.

Xét yêu cầu kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện các chi phí hợp lý và buộc bị cáo liên đới cùng ông T, bà O bồi thường là đúng quy định. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại về phần trách nhiệm dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Bản Kết luận pháp y thương tích và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 07/11/2016 tại nhà của Hà Văn D, giữa D và anh Nguyễn Huy T2 xảy ra xô xát, anh T2 dùng tay đánh D phải bỏ chạy và trượt chân ngã xuống sân, ngay sau đó D cầm cái cuốc ở cạnh nơi mình ngã xông tới đánh 01 cái vào đầu của anh T2, gây thương tích 55%. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[1.1] Xét kháng cáo của bị cáo cho rằng mình chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng T2 tinh thần bị kích động mạnh” được quy định tại Điều 105 BLHS là không có căn cứ. Bởi lẽ, việc xô xát giữa bị cáo và anh Nguyễn Huy T2 đã được mọi người can ngăn nên bị cáo có đủ thời gian cân nhắc thực hiện hành vi phù hợp để tự vệ. Trường hợp này, hành vi bị cáo cầm cuốc đánh 01 cái vào đầu của anh T2 gây thương tích 55% đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS.

[1.2] Nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội có một phần lỗi của người bị hại đã thực hiện hành vi dùng tay đánh bị cáo nhiều lần, bất chấp sự can ngăn của mọi

người. Sau khi bị đánh, bị cáo trượt chân và ngã xuống sân nên đã cầm cái cuốc bên cạnh đó và đánh anh T2 01 cái, hành vi của bị cáo là bộc phát chứ không có chủ đích là nhằm tước đoạt tính mạng của anh Nguyễn Huy T2 nên kháng cáo của người bị hại đề nghị xét xử bị cáo về tội “Giết người” được quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 là không có căn cứ.

[2] Xét mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra nên đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 30.000.000đ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền 20.000.000 đồng, gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng. Mặt khác, nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội có một phần lỗi của người bị hại. Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên nên để đảm bảo có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 3 Điều 7; khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của UBTVQH. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, HĐXX thấy: Các khoản tiền thuốc, tiền viện phí mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận là có căn cứ. Tuy nhiên có các hóa đơn hợp lý cho việc chữa bệnh của người bị hại mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng là thiếu sót nên cần bổ sung. Ngoài ra, còn có một số chi phí khác mặc dù không có hóa đơn, tuy nhiên đây là những khoản chi cần thiết cho việc cứu chữa người bị hại nên Tòa án cần chấp nhận. Cụ thể cần buộc bị cáo bồi thường tất cả các hóa đơn thuốc, tiền viện phí và các chi phí khác cụ thể như sau:

- Tiền viện phí ngày 17-11-2016 là 18.036.329 đồng;
- Tiền thuốc ngày 17-11-2016 là 285.000 đồng; (BL326);
- Tiền viện phí ngày 25-11-2016 là 13.044.663 đồng;
- Tiền viện phí ngày 25-11-2016 là 800.000 đồng (BL 328);
- Tiền thuốc ngày 26-11-2016 là 2.015.000 đồng;
- Tiền thuốc ngày 28-11-2016 là 2.682.400 đồng và 2.000 đồng (BL: 281a);
- Tiền thuốc ngày 30-11-2016 là 3.085.800 đồng và 125.000 đồng (BL: 285);
- Tiền thuốc ngày 01-12-2016 là 75.000 đồng (BL 286);
- Tiền thuốc ngày 03-12-2016 là 1.640.200 đồng; (BL 286); (cấp sơ thẩm tính: 1.642.600 đồng);
- Tiền thuốc ngày 05-12-2016 là 848.100 đồng;
- Tiền thuốc ngày 06-12-2016 là 452.700 đồng;
- Tiền thuốc ngày 07-12-2016 là 449.200 đồng và 135.300 đồng;
- Tiền thuốc ngày 09-12-2016 là 226.000 đồng;
- Tiền thuốc ngày 11-12-2016 là 449.200 đồng;
- Tiền thuốc ngày 12-12-2016 là 2.405.000 đồng và 105.000 đồng;
- Tiền viện phí ngày 12-12-2016 là 8.991.800 đồng;

- Tiền viện phí ngày 20-01-2017 là 1.635.965 đồng;
- Tiền viện phí ngày 02-03-2017 là 2.217.925 đồng; (BL 330); (cấp sơ thẩm tính: 2.117.925 đồng);
- Tiền mua ốc, lưới titan ngày 15-03-2017 là 52.000.000 đồng;
- Tiền thuốc ngày 15-03-2017 là 229.074 đồng (BL 322);
- Tiền viện phí ngày 16-03-2017 là 15.000.000 đồng;
- Tiền thuốc ngày 16-03-2017 là 458.148 đồng (BL 321);
- Tiền thuốc ngày 17-03-2017 là 558.000 đồng (BL 314);
- Tiền thuốc ngày 17-03-2017 là 114.537 đồng (BL 323);
- Tiền thuốc ngày 20-03-2017 là 27.675 đồng và 750.000 đồng (BL 316);
- Tiền thuốc ngày 22-03-2017 là 55.349 đồng;
- Tiền thuốc ngày 23-03-2017 là 135.000 đồng;
- Tiền viện phí ngày 28-03-2017 là 9.797.244 đồng;
- Tiền thuốc ngày 19-05-2017 là 1.320.000 đồng (BL 320);
- Tiền châm cứu là 2.150.000 đồng;
- Tiền thuốc ngày 11- 6 -2017 là 416.000 đồng;
- Tiền thuốc ngày 25- 6 -2017 là 786.000 đồng;
- Tiền thuê xe có hóa đơn ngày 4.300.000 đồng;
- Tiền thuê xe không có hóa đơn tổng cộng các lần đi khám chữa bệnh là 8.220.000 đồng;
- Tiền thuốc ngày 08 - 7 -2017 là 7.737.000 đồng (BL 333) và 1.008.000 đồng;
- Tiền công trong thời gian bị hại nằm viện không lao động được là: 9.750.000 đồng;
- Tiền công 01 người chăm sóc trong thời gian bị hại nằm viện là: 9.750.000 đồng;
- Tiền mất thu nhập do sức khỏe bị giảm sút sau khi bị thương là 12 tháng (trừ 65 ngày điều trị) là: 24.750.000 đồng;
- Tiền tổn thất tinh thần 25 tháng lương cơ bản là: 32.500.000 đồng.

Như vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T2 tổng số tiền 241.519.609 đồng. Bị cáo được khấu trừ 50.000.000 đồng đã tác động gia đình bồi thường cho anh T2, bị cáo Hà Văn D, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị O phải tiếp tục bồi thường 191.519.609 đồng. *(Một trăm chín mươi một triệu, năm trăm mười chín nghìn, sáu trăm lẻ chín đồng).*

Theo quy định tại đoạn 2, khoản 2 Điều 586 của BLDS năm 2015 “*Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình*”. Tại thời điểm bị cáo có hành vi phạm tội mới 17 tuổi 08 tháng 25 ngày, bị cáo chưa có tài sản riêng để bồi thường cho anh T2. Nên buộc cha mẹ là người đại diện Đ nhiên cho con chưa thành niên là ông Hà

Văn T và bà Nguyễn Thị O có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo D bồi thường cho anh T2 số tiền trên là thỏa đáng.

Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại về phần trách nhiệm dân sự

[4]Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hà Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa phần trách nhiệm dân sự, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định của pháp luật. Cần buộc bị cáo Hà Văn D, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị O phải liên đới chịu tiền án phí DSST là 9.575.980 đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên người bị hại anh Nguyễn Huy T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]Căn cứ điểm b khoản 2 điều 248; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng: Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69 và khoản 1 Điều 74; khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 6 Điều 91 và khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41 của Quốc hội khoá 14; Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hà Văn D về phần hình phạt. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của người bị hại anh Nguyễn Huy T2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 01/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt, phần trách nhiệm dân sự và phần án phí sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn D 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584; Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Văn D, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị O có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Huy T2 các khoản tiền thuốc, tiền viện phí, tiền công không lao động được và các khoản tiền chi phí hợp lý tổng cộng các khoản

là: 241.519.609 đồng, được khấu trừ 50.000.000 đồng đã bồi thường. Bị cáo Hà Văn D, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị O phải tiếp tục bồi thường 191.519.609 đồng. *(Một trăm chín mươi một triệu, năm trăm mười chín nghìn, sáu trăm lẻ chín đồng).*

Dành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Huy T2 thành vụ kiện dân sự khác khi có thiệt hại phát sinh.

Áp dụng Điều 357 của BLDS để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

[3] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hà Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hà Văn D, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị O phải liên đới chịu số tiền 9.575.980 đồng tiền án phí DSST.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hà Văn D, người bị hại anh Nguyễn Huy T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn